TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/LĐ-PT
Ngày: 16/7/2025
V/v Tranh chấp về tiền lương, tiền thưởng Tết và tiền hoa hồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Quyên
Bà Phạm Thị Thu Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Sang
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Bá Thu Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 45/2025/TLPT-LĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp tiền lương, tiền thưởng Tết và tiền hoa hồng".

Do Bản án lao động sơ thẩm số 17/2025/LĐ-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3092/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 9346/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Duy A, sinh năm 1985, có mặt.
   Địa chỉ: E đường số B, phường T (Phường H, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH F.

Trụ sở chính: 50 đường số D Khu dân cư I, ấp E, xã B (xã B, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Axel A1 – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Như L, sinh năm 1979, có mặt.

Địa chỉ: A Q, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo Giấy ủy quyền ngày 22/12/2024).

3. Người kháng cáo: Công ty TNHH F – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn sửa đổi, bổ sung nội dung khởi kiện, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Duy A trình bày:

Ngày 02/4/2019, ông Phạm Duy A và Công ty TNHH F (sau đây sẽ viết tắt là "Công ty") cùng ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn, nội dung của hợp đồng quy định cụ thể về tiền lương, tiền thưởng Tết và tiền hoa hồng mà ông Duy A được nhận theo quy chế của Công ty. Do có nhiều khúc mắc giữa ông và Công ty K giải quyết nên ông đã gửi thư điện tử (email) thông báo gửi kèm đơn xin nghỉ việc từ tháng 02/2021. Tuy nhiên, Công ty không trả cho ông Duy A các khoản tiền: 50% tiền thưởng Tết năm 2020, tiền hoa hồng đã thỏa thuận, tiền lương tháng 01/2021.

Do vậy, ông đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH F phải thanh toán cho ông số tiền lương còn nợ của tháng 01/2021 (theo mức lương của năm 2019) là: 36.127.300 đồng; 50% tiền thưởng Tết năm 2020 là: 48.455.338 đồng; Tiền hoa hồng dự án SMG là: 185.567.760 đồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, sau khi kiểm tra lại sao kê tại Ngân hàng, ông xác nhận đã được Công ty TNHH F thanh toán tiền lương tháng 01/2021 nên ông đã rút xin lại một phần yêu cầu của mình, cụ thể là không yêu cầu Công ty TNHH F phải trả tiền lương tháng 01/2021 là 36.127.300 đồng; Ông giữ nguyên yêu cầu buộc Công ty TNHH F phải thanh toán cho ông 50% tiền thưởng Tết năm 2020 là: 48.455.338 đồng; Tiền hoa hồng dự án SMG là: 185.567.760 đồng. Ông đã nộp cho Tòa án chứng cứ chứng minh khi còn là nhân viên Công ty TNHH F ông đã hoàn thành công việc được giao của dự án SMG và được hưởng tiền số tiền hoa hồng theo quy định.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty TNHH F về việc buộc ông phải bồi thường cho Công ty TNHH F số tiền 85.802.337 đồng (T mươi lăm triệu tám trăm linh hai nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng) do ông đơn phương chấm dứt, ông đề nghị Tòa không chấp nhận vì căn cứ theo quy định của pháp luật thì Công ty TNHH F đã hết thời hiệu yêu cầu.

Ông không yêu cầu Tòa án xem xét về Quyết định cho nghỉ việc ngày 31/3/2021 và cũng không có nhu cầu quay trở lại Công ty TNHH F.

Đối với Bản trình bày ý kiến không ghi ngày, tháng, chỉ ghi năm 2025 của đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH F là ông Axel A1 về việc yêu cầu ông trả lại tiền quỹ công đoàn là 61.159.400 đồng (Sáu mươi mốt triệu một trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm đồng), ông xác nhận có ký biên bản giao nhận tiền quỹ công đoàn ngày 09/02/2021 với kế toán Lê Thị Thùy L1 nhưng thực tế ông không nhận khoản tiền này vì ông không phải là chủ tịch công đoàn, tuy nhiên, do ông đã ký vào biên bản giao nhận thì ông đồng ý trả số tiền 61.159.400 đồng (Sáu mươi mốt triệu một trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm đồng) cho Công ty TNHH F.

Theo bản tự khai và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn Công ty TNHH F - ông Trần Như L trình bày:

Ông xác nhận giữa Công ty TNHH F và ông Phạm Duy A có ký Hợp đồng lao động ngày 02/4/2019 không xác định thời hạn.

Sau khi ông Phạm Duy A tự ý bỏ việc, không đến Công ty TNHH F làm việc, Công ty TNHH F đã nhiều lần gửi thư điện tử (email) và T1 Thông báo (SMS) yêu cầu ông Phạm Duy A đến bàn giao công việc, tài sản và giải quyết các công nợ giữa Công ty TNHH F với ông Phạm Duy A nhưng ông Phạm Duy A không đến để giải quyết nên Công ty TNHH F đã cho ông Phạm Duy A nghỉ việc theo Quyết định cho nghỉ việc ngày 31/3/2021. Ông xác nhận Công ty TNHH F chưa gửi các Thư Thông báo và Quyết định cho nghỉ việc ngày 31/3/2021 đối với ông Phạm Duy A cho Liên đoàn Lao động huyện B.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Duy A đối với Công ty TNHH F, ông có ý kiến như sau:

Đối với việc ông Phạm Duy A rút lại yêu cầu về tiền lương tháng 01/2021 là 36.127.300 đồng do Công ty TNHH F đã thanh toán cho ông Phạm Duy A, ông không có ý kiến.

Đối với yêu cầu về 50% tiền thưởng Tết năm 2020 là: 48.455.338 đồng, Công ty TNHH F từ chối chi trả vì Công ty TNHH F có ban hành quy chế về điều kiện chi trả tiền thưởng quy định tại khoản 02 Quyết định số 01/12/QĐ-FVN ngày 15/12/2020 về việc chi trả lương tháng 13+KPI năm 2020 cho nhân viên, theo quy định tại khoản 2 Quyết định số 01 quy định thì ông Phạm Duy A phải làm việc hết quý 1 của năm sau (tức là hết tháng 3) mới được thanh toán số tiền thưởng Tết còn lại. Do ông Phạm Duy A tự ý nghỉ việc từ tháng 2/2021, không bàn giao nên Công ty TNHH F không chi trả khoản tiền còn lại cho ông Phạm Duy A.

Đối với yêu cầu về tiền hoa hồng dự án SMG là: 185.567.760 đồng, Công ty TNHH F từ chối chi trả vì không có cơ sở. Đề nghị ông Phạm Duy A cung cấp các chứng từ chứng minh có thỏa thuận giữa ông Phạm Duy A và Công ty TNHH F về khoản tiền hoa hồng này, việc ông Phạm Duy A yêu cầu Công ty TNHH F chi trả số tiền hoa hồng này chỉ dựa trên thư điện tử (email) trao đổi qua lại giữa kế toán của Công ty TNHH F với ông Phạm Duy A.

Công ty TNHH F có gửi qua đường bưu điện (dấu Bưu cục đến ngày 19/3/2025) Bản trình bày ý kiến không ghi ngày, tháng, chỉ ghi năm 2025 của đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH F là ông Axel A1 về việc yêu cầu ông Phạm Duy A trả lại tiền qũy công đoàn là 61.159.400 đồng, nội dung này không có trong yêu cầu phản tố.

Bị đơn đề nghị Tòa án ghi nhận việc ông Phạm Duy A đồng ý số tiền 61.159.400 đồng cho Công ty TNHH F theo biên bản giao nhận tiền quỹ công đoàn ngày 09/02/2021.

Ông xác nhận Quyết định số 01/12/QĐ-FVN ngày 15/12/2020 do Công ty TNHH F ban hành và Biên bản làm việc về việc xem xét cho ông Phạm Duy A nghỉ việc cũng như Quyết định cho ông Phạm Duy A nghỉ việc ngày 31/3/2021 chưa được gửi cho Liên đoàn lao động huyện B. Ngoài ra, ông cũng xác nhận bà Lê Thị Thùy L1 và bà Phan Thái Vy N là nhân sự của Công ty TNHH F. Bà Lê Thị Thùy L1 và bà Phan Thái Vy N có ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH F, công việc của bà Lê Thị Thùy L1 và bà Phan Thái Vy N là kế toán.

Các thư điện tử (email) do bà Lê Thị Thùy L1 và bà Phan Thái Vy N gửi cho ông Phạm Duy A là có thật vì khi đó ông Phạm Duy A tự ý nghỉ việc, không bàn giao công việc và tài sản mà ông Phạm Duy A đang giữ cho Công ty TNHH F nên bà Lê Thị Thùy L1 và bà Phan Thái Vy N gửi email cho ông Phạm Duy A như vậy mục đích là để ông Phạm Duy A đến Công ty TNHH F bàn giao công việc và tài sản.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 17/2025/LĐ-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

Căn cứ:

- Điều 32; Điều 33, điểm c khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228; khoản 2 Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 13; 45; 48; 104; 123; 187 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Khoản 3 Điều 150; Điều 588 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Duy A đối với bị đơn Công ty TNHH F.

Buộc Công ty TNHH F có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Duy A 50% tiền thưởng Tết 2020 là 48.455.338 đồng và tiền thưởng của dự án SMG là 185.567.760 đồng. Tổng cộng là 234.023.098 đồng (hai trăm ba mươi bốn triệu không trăm hai mươi ba nghìn không trăm chín mươi tám đồng).

2. Ghi nhận việc ông Phạm Duy A đồng ý trả số tiền 61.159.400 đồng (sáu mươi mốt triệu một trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm đồng) cho Công ty TNHH F theo Biên bản giao nhận tiền quỹ công đoàn ngày 09/02/2021;

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH F do hết thời hiệu khởi kiện.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 07/5/2025, Công ty TNHH F là bị đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 28/5/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị số 5628/QĐKNPT-VKS-LĐ kháng nghị một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn Công ty TNHH F có người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm: Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phía bị đơn không có ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Bị đơn kháng cáo các vấn đề cụ thể sau đây:

Ông Phạm Duy A tự ý nghỉ việc nên Công ty ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông Duy A vào ngày 31/3/2021. Nguyên đơn đã có hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên nguyên đơn có nghĩa vụ phải bồi thường cho bị đơn theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc ông nguyên đơn phải bồi thường số tiền 85.802.337 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Nguyên đơn không làm việc đầy đủ đến hết tháng 3/2021 (hết quý 1 của năm sau) là không đủ điều kiện được chi trả tiền thưởng theo Quyết định số

01/12/QĐ-FVN ngày 15/12/2020 của bị đơn. Do vậy, nguyên đơn không được hưởng đủ tiền thưởng năm 2020 nên Công ty không phải trả 50% còn lại cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không được hưởng tiền hoa hồng vì dự án tuy hoàn thành nhưng còn phải bảo trì, bảo hành nên nguyên đơn cũng không được hưởng tiền hoa hồng. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 5628/QĐKNPT-VKS-LĐ ngày 28/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn là ông Phạm Duy A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định không kháng cáo bản án sơ thẩm. Nguyên đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì nguyên đơn không có ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các bên đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành đúng hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về kháng nghị: Kháng nghị một phần bản án sơ thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, cụ thể: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Duy A về việc buộc Công ty phải trả tiền lương tháng 01/2021 là 36.127.300 đồng do ông A đã rút yêu cầu tại phiên tòa; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của Công ty về việc buộc ông Phạm Duy A bồi thường số tiền 85.802.337 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động do đã hết thời hiệu khởi kiện; tính lại nghĩa vụ chịu án phí của Công ty và ông Phạm Duy A theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Ngày 24/4/2025, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm và tuyên án vụ án. Ngày 07/5/2025, Công ty TNHH F là bị đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 28/5/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị số 5628/QĐKNPT-VKS-LĐ kháng nghị một phần bản án sơ thẩm. Do đó, kháng nghị và kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định kháng nghị số 5628/QĐKNPT-VKS-LĐ ngày 28/5/2025 đối với các nội dung:

[2.1.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm trong việc không tuyên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện mà đương sự đã rút tại phiên tòa:

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Duy A đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty TNHH F, cụ thể: Không yêu cầu Công ty phải trả tiền lương tháng 01/2021 là 36.127.300 đồng. Tuy nhiên, tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm không tuyên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút này của nguyên đơn là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 244 và điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xét nội dung kháng nghị này là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng nghị về vấn đề này.

[2.1.2] Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm trong việc không đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố mà Hội đồng xét xử nhận định đã hết thời hiệu khởi kiện:

Xét tại trang 07 của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã nhận định: xét thấy, quyết định của Công ty cho ông Phạm Duy A nghỉ việc là ngày 31/3/2021 và Đơn phản tố đề ngày 16/01/2025 về việc buộc ông Phạm Duy A phải bồi thường cho Công ty số tiền 85.802.337 đồng do ông Phạm Duy A đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đã quá thời hiệu theo quy định của pháp luật. Do đó, Công ty đã mất đi quyền khởi kiện, ông Phạm Duy A yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện (phản tố) của bị đơn. Tuy nhiên, đến phần Quyết định của bản án

sơ thẩm, Hội đồng xét xử lại tuyên "Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH F do hết thời hiệu khởi kiện" là vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xét nội dung kháng nghị này là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng nghị này.

[2.1.3] Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm trong việc tính án phí:

Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: "Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí sơ thẩm". Đồng thời, tại khoản 4, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì "Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận" và "Bị đơn có yêu cầu phản tố phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu phản tố của bị đơn được Tòa án chấp nhận".

Trong vụ án này, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã vi phạm trong việc tính án phí khi tuyên:

Công ty phải chịu án phí dân sự là 9.594.763 đồng, trong đó bao gồm: 7.020.693 đồng của yêu cầu khởi kiện mà ông Phạm Duy A được chấp nhận là 234.023.098 đồng và 2.574.070 đồng đối với yêu cầu phản tố của Công ty không được chấp nhận là 85.802.337 đồng. Trong khi yêu cầu phản tố của Công ty đối với số tiền 85.802.337 đồng theo Hội đồng xét xử nhận định là đã hết thời hiệu khởi kiện, thuộc trường hợp phải đình chỉ giải quyết theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Công ty không phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố bị đình chỉ giải quyết và tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu phản tố được trả lại cho Công ty.

Ông Phạm Duy A phải chịu án phí 1.834.782 đồng là số tiền được tính trên số tiền mà Hội đồng xét xử ghi nhận việc ông Phạm Duy A đồng ý trả cho Công ty số tiền 61.159.400 đồng theo Biên bản giao nhận tiền quỹ công đoàn ngày 09/02/2021 trong khi đây không phải là yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Duy A mà chỉ là việc ghi nhận sự tự nguyện của đương sự nên ông Phạm Duy A không phải chịu án phí.

Nội dung kháng nghị này là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 5628/QĐKNPT-VKS-LĐ ngày 28/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH F:

[2.2.1] Về kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn phải bồi thường cho bị đơn số tiền 85.802.337 đồng do nguyên đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bị đơn trái pháp luật:

Như nhận định của án sơ thẩm và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phần xét kháng nghị, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, yêu cầu phản tố của bị đơn đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019 và khoản 3 Điều 150 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thời hiệu khởi kiện; Điều 588 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nêu trên của bị đơn, sửa một phần án sơ thẩm phần này theo nhận định chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.2.2] Về nội dung kháng cáo buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 234.023.098 đồng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 50% tiền thưởng Tết năm 2020 là 48.455.338 đồng; tiền hoa hồng dự án SMG là 185.567.760 đồng, tổng cộng: 234.023.098 đồng.

Tiền thưởng là khoản chi không bắt buộc, phụ thuộc vào quy chế thưởng nội bộ của công ty theo quy định tại Điều 104 Bộ luật lao động. Công ty TNHH F đã căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc của ông Phạm Duy A để trả cho ông Phạm Duy A 50% tiền thưởng Tết năm 2020 và không trả cho ông Phạm Duy A số tiền thưởng 50% còn lại.

Công ty TNHH F viện dẫn một văn bản nội bộ về điều kiện chi trả tiền thưởng quy định tại khoản 02 Quyết định số 01/12/QĐ-FVN ngày 15/12/2020 về việc chi trả lương tháng 13+KPI năm 2020 cho nhân viên mà không có thông báo, biên bản vi phạm rõ ràng là chưa đủ căn cứ bác bỏ quyền lợi người lao động.

Do vậy, yêu cầu của ông Phạm Duy A buộc Công ty TNHH F phải thanh toán 50% tiền thưởng Tết 2020 là có cơ sở chấp nhận.

Hồ sơ vụ án thể hiện, ông Phạm Duy A có nộp cho Tòa án bản nội dung email (thư điện tử) của hai kế toán là bà Lê Thị Thùy L1 và bà Phan Thái Vy N

xác nhận về lợi nhuận mà Công ty TNHH F đã được hưởng từ dự án SMG, cụ thể ngày 02/02/2021 đã gửi bản chiết tính xác nhận, giá nhập loại máy là 161.900 EUR, giá bán là 314.693 EUR, lợi nhuận là 34.65% cho dự án IKI của khách San Miguel (SMG) đã khởi động ngày 24/3/2020.

Đại diện Công ty TNHH F là ông Trần Như L xác nhận dự án SMG đã khởi động từ ngày 24/3/2020; Các thư điện tử (email) do hai kế toán của Công ty là bà Lê Thị Thùy L1 và bà Phan Thái Vy N gửi cho ông Phạm Duy A là có thật. Tuy nhiên, việc bà Lê Thị Thùy L1 và bà Phan Thái Vy N gửi những thư điện tử (email) mục đích là chỉ để ông Phạm Duy A đến Công ty TNHH F bàn giao công việc và tài sản. Ông Trần Như L cũng xác nhận bà Lê Thị Thùy L1 và bà Phan Thái Vy N là nhân sự của Công ty TNHH F. Bà Lê Thị Thùy L1 và bà Phan Thái Vy N có ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH F, công việc của bà Lê Thị Thùy L1 và bà Phan Thái Vy N là kế toán. Mặc dù lợi nhuận là 34.65% cho dự án IKI của khách San Miguel (SMG) đã khởi động ngày 24/3/2020 nhưng Công ty còn phải chi các chi phí phát sinh về bảo hành, bảo dưỡng sau ngày 24/3/2020.

Nhận thấy, các thư điện tử (email) do bà Lê Thị Thùy L1 và bà Phan Thái Vy N là kế toán của Công ty TNHH F gửi cho ông Phạm Duy A đều xác nhận dự án SMG đã khởi động từ ngày 24/3/2020 và lợi nhuận mà Công ty TNHH F đã được hưởng từ dự án SMG do ông Phạm Duy A phụ trách nhưng lại từ chối chi trả khoản tiền thưởng của dự án trên cho ông Phạm Duy A là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, yêu cầu của ông Phạm Duy A buộc Công ty TNHH F phải thanh toán cho ông Phạm Duy A tiền thưởng của dự án SMG là 185.567.760 đồng là có cơ sở chấp nhận. Tại cấp phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng ông Duy A có quyền được hưởng hoa hồng nhưng do dự án trên còn phải bảo trì, bảo hành mà ông Duy A đã nghỉ việc thì không được hưởng nữa là không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, kháng cáo của bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 234.023.098 đồng và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định trên cũng như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 5628/QĐKNPT-VKS-LĐ ngày 28/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH F. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định kháng nghị số 5628/QĐKNPT-VKS-LĐ ngày 28/5/2025;

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH F.

Sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm số 17/2025/LĐ-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Duy A đối với bị đơn là Công ty TNHH F về việc buộc Công ty TNHH F phải trả cho ông Phạm Duy A tiền lương tháng 01/2021 là 36.127.300 đồng (ba mươi sáu triệu một trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm đồng) do ông Phạm Duy A rút yêu cầu khởi kiện;

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của Công ty TNHH F về việc buộc ông Phạm Duy A phải bồi thường số tiền 85.802.337 đồng (tám mươi lăm triệu tám trăm lẻ hai nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng) do ông Phạm Duy A đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH F trái pháp luật do hết thời hiệu khởi kiện.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Duy A đối với bị đơn Công ty TNHH F.

Buộc Công ty TNHH F có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Duy A 50% tiền thưởng Tết 2020 là 48.455.338 đồng (bốn mươi tám triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi tám đồng) và tiền thưởng của dự án SMG là 185.567.760 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi đồng). Tổng cộng là 234.023.098 đồng (hai trăm ba mươi bốn triệu không trăm hai mươi ba nghìn không trăm chín mươi tám đồng).

4. Ghi nhận việc ông Phạm Duy A đồng ý trả số tiền 61.159.400 đồng (sáu mươi mốt triệu một trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm đồng) cho Công ty TNHH F theo Biên bản giao nhận tiền quỹ công đoàn ngày 09/02/2021;

5. Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Án phí lao động sơ thẩm:

- Công ty TNHH F phải chịu án phí sơ thẩm là 7.020.693 đồng (bảy triệu không trăm hai mươi nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng), được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0051801 ngày 19/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh). Công ty TNHH F còn phải nộp thêm 4.020.693 đồng (bốn triệu không trăm hai mươi nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng).

- Ông Phạm Duy A không phải chịu án phí lao động sơ thẩm. Trả lại cho ông Phạm Duy A số tiền tạm ứng án phí là 1.268.740 đồng (một triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0051327 ngày 22/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, tương ứng với thời gian chư thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

7. Án phí lao động phúc thẩm: Công ty TNHH F phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm do Công ty TNHH F đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0052517 ngày 19/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

8. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

- Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, TP.Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu (T18).

TÒA

Nguyễn Tiến Dũng